

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/DS-PT.
Ngày: 25-01-2021.
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Quốc Bảo**.

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Văn Dũng**;
Ông **Nguyễn Hữu Thịnh**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Huỳnh Minh Ngôn** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam: Bà **Nguyễn Thị Hà** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2020/TLPT-DS ngày 14 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2020/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 81/2020/QĐXXPT-DS ngày 11 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Xuân H**, sinh năm 1965;
Địa chỉ: Số 11/7 đường P, phường S, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.
2. Bị đơn: Bà **Phạm Thị N**, sinh năm 1975;
Địa chỉ: Tổ 2, khối X, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
3. Người kháng cáo: Bị đơn bà Phạm Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà **Phạm Thị Xuân H** trình bày: Do quen biết bà **Phạm Thị N** nên

trong thời gian từ năm 2018 đến năm 2020, bà Phạm Thị Xuân H đã nhiều lần cho bà N vay tiền, mỗi lần vay số tiền không lớn, không có lãi nên không lập thành văn bản. Bà H thấy số tiền cho bà N vay ngày càng lớn nên ngày 17/01/2020, khi bà N vay thêm số tiền 300.000.000 đồng, bà H đã yêu cầu bà N viết giấy nợ và bà N đã viết giấy nhận nợ với tổng số tiền vay là 1.260.000.000 đồng. Đến ngày 08/3/2020, bà N tiếp tục vay của bà H 40.000.000 đồng, hai bên thống nhất cộng dồn vào khoản tiền 1.260.000.000 đồng bà N đã viết giấy nhận nợ ngày 17/01/2020 và lập hợp đồng vay với tổng số tiền là 1.300.000.000 đồng. Theo đó, bà N thừa nhận đã nhận đủ số tiền 1.300.000.000 đồng đã vay của bà H và hẹn đến ngày 23/3/2020 sẽ trả trước 500.000.000 đồng. Đồng thời, trong ngày 08/3/2020, bà N còn viết cho bà H 02 hợp đồng vay tiền, gồm: 01 hợp đồng vay 500.000.000 đồng và 01 hợp đồng vay 300.000.000 đồng, nhằm mục đích chia khoản tiền nợ 800.000.000 đồng còn lại trong số tiền vay 1.300.000.000 đồng để hẹn trả nợ vào các ngày 30/4/2020 và 30/5/2020. Trong 04 giấy nợ mà bà H đã cung cấp cho Tòa án đều do bà N tự viết, tự ký tên chứ không có ai ép buộc, can thiệp. Đến thời điểm hiện nay, bà N chưa trả cho bà H bất kỳ khoản tiền nào trong số tiền vay nêu trên. Do quá thời hạn trả nợ nhưng bà N vẫn không trả tiền theo thỏa thuận nên bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N phải trả số tiền vay là 1.300.000.000 đồng.

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là bà Phạm Thị N trình bày:

Thông qua việc buôn bán, làm ăn, bà N quen biết và có vay của bà Phạm Thị Xuân H nhiều lần vào các năm 2018, 2019, 2020 với số tiền mỗi lần khác nhau, lần nhiều nhất là 150.000.000 đồng, lần ít nhất là 10.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền bà N nợ bà H là 720.000.000 đồng. Khi vay, các bên có thỏa thuận về lãi suất nhưng lãi suất như thế nào thì bà N cũng không rõ. Số tiền bà N nợ bà H là 720.000.000 đồng nhưng bà H đã ép buộc bà N phải viết giấy nợ 1.300.000.000 đồng. Do vậy, bà N không đồng ý trả số tiền 1.300.000.000 đồng cho bà H mà chỉ đồng ý trả 720.000.000 đồng và trả dần cho đến khi hết khoản nợ 720.000.000 đồng.

Với nội dung vụ án như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2020/DS-ST ngày 09/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam đã áp dụng các Điều 30, 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 275, các Điều 280, 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Xuân H đối với bị đơn bà Phạm Thị N.

Buộc bà Phạm Thị N phải trả cho bà Phạm Thị Xuân H số tiền 1.300.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn bà Phạm Thị N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công trực tiếp giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án, về việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu để tham gia xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm theo hướng ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn tổng số tiền 1.150.000.000 đồng. Thời hạn trả: Ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật trả 800.000.000 đồng, số tiền còn lại trả trước ngày 26/01/2022.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; người kháng cáo vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt người kháng cáo theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị N thì thấy:

[2.1] Trong khoảng thời gian từ năm 2018 đến năm 2020, bà Phạm Thị Xuân H đã nhiều lần cho bà Phạm Thị N vay tiền, số tiền mỗi lần vay khác nhau. Đến ngày 08/3/2020, bà N lập hợp đồng vay tài sản với bà H; trong đó, bà N thừa nhận đã vay của bà H số tiền 1.300.000.000 đồng và hẹn đến ngày 23/3/2020 sẽ trả trước số tiền 500.000.000 đồng. Số tiền 800.000.000 đồng còn lại, bà N viết thêm 02 giấy vay tiền và hẹn sẽ trả cho bà H 300.000.000 đồng vào ngày 30/4/2020 và 500.000.000 đồng vào ngày 30/5/2020. Tuy nhiên, đến nay bà N vẫn chưa trả tiền cho bà H như đã cam kết.

[2.2] Bà N kháng cáo cho rằng, bà chỉ vay của bà H số tiền 720.000.000 đồng, nhưng khi viết hợp đồng vay thì bị bà H ép buộc ghi thành số tiền là 1.300.000.000 đồng; việc vay tiền có tính lãi suất 10%/tháng và bà đã trả cho bà H được số tiền lãi 498.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Các giấy nhận nợ đều do bị đơn bà Phạm Thị N tự viết và ký tên; trong đó, có hợp đồng vay tiền do bà N tự viết ngày 08/3/2020, bà N thừa nhận đã nhận đủ số tiền vay của bà H là 1.300.000.000 đồng. Các bên đều thừa nhận địa điểm viết giấy vay tiền là ở quán cà phê; bà N cho rằng đã bị bà H ép buộc viết giấy vay tiền thể hiện số

tiền vay nhiều hơn so với số tiền thực tế đã vay của bà H và bà N đã trả cho bà H được số tiền lãi là 498.000.000 đồng nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh; trong khi bà H không thừa nhận việc này. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc bà N phải trả cho bà H số tiền 1.300.000.000 đồng là có căn cứ. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bà H thống nhất chỉ yêu cầu bà N trả số tiền 1.150.000.000 đồng, theo thời hạn như sau: Ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật phải trả số tiền 800.000.000 đồng, số tiền còn lại 350.000.000 đồng phải trả trước ngày 26/01/2022. Xét thấy, sự tự nguyện của bà H có lợi cho bà N nên cần phải chấp nhận.

[2.3] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy có cơ sở để chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị N, sửa bản án sơ thẩm theo như đề nghị của Kiểm sát viên.

[3] Về án phí dân sự: Do Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên bị đơn bà Phạm Thị N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; đồng thời, Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định lại án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị N, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2020/DS-ST ngày 09/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam.

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 38, 39, 148, 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 275, các Điều 280, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và các Điều 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Xuân H đối với bị đơn bà Phạm Thị N về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Phạm Thị N phải trả cho bà Phạm Thị Xuân H số tiền 1.150.000.000 (*Một tỷ một trăm năm mươi triệu*) đồng. Thời hạn trả: Ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật phải trả số tiền 800.000.000 đồng, số tiền còn lại 350.000.000 đồng phải trả trước ngày 26/01/2022.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án (*đã đến hạn*) theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị N phải chịu 46.500.000 (*Bốn mươi sáu triệu năm trăm nghìn*) đồng. Hoàn trả lại cho bà Phạm Thị Xuân H số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 25.500.000 (*Hai mươi lăm triệu năm trăm nghìn*)

đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010019 ngày 06/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hội An.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Thị N không phải chịu; hoàn trả lại cho bà Phạm Thị N số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010158 ngày 24/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hội An.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (25/01/2021).

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- TAND Tp. Hội An;
- Chi cục THADS Tp. Hội An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Phạm Quốc Bảo**